

Bản án số: 121/2026/HS-ST
Ngày: 13-4-2026

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Đức.
- Bà Nguyễn Thị An.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 107/2026/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Anh D, sinh ngày 28/5/1992 tại tỉnh Hưng Yên;

Nơi ĐKKHKT: Số nhà C, đường N, tổ A, phường T, tỉnh Hưng Yên; Nơi ở hiện tại: số nhà A, đường D, tổ B, phường T, tỉnh Hưng Yên. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Tuấn V và bà Nguyễn Thị N (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Á, chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/11/2025 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Phân trại tam giam Thái Bình thuộc Trại tạm giam số 02, Công an tỉnh H. Có mặt.

- **Bị hại:**

- Bà Đỗ Thị Tuyết M, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: tổ dân phố P, phường V, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Phạm Văn T, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: thôn H, xã V, tỉnh Hưng Yên.

3. Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: tổ dân phố P, phường V, tỉnh Hưng Yên.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Tiến M1 sinh năm 1987;

Nơi cư trú: tổ A, phường H, thành phố Hà Nội là Giám đốc Tổng công ty cổ phần B – Chi nhánh T3.

2. Chị Nguyễn Thị Thanh T1 sinh năm 1991;

Nơi cư trú: tổ H, phường T, tỉnh Hưng Yên.

3. Chị Hoàng Thị G sinh năm 1973;

Nơi cư trú: thôn N, xã B, tỉnh Hưng Yên.

4. Chị Nguyễn Thị Thu H sinh năm 1980;

Nơi cư trú: tổ dân phố N, phường T, tỉnh Hưng Yên.

5. Ông Nguyễn Văn M2 sinh năm 1960;

Nơi cư trú: tổ dân phố P, phường V, tỉnh Hưng Yên.

6. Chị Tạ Thị H1 sinh năm 1985;

Nơi cư trú: tổ A, phường T, tỉnh Hưng Yên.

(Những bị hại và những người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tổng công ty cổ phần B hoạt động chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ trong đó có bảo hiểm xe cơ giới và được chia làm hai loại bảo hiểm gồm: Bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc đối với chủ xe và bảo hiểm tự nguyện đối với xe cơ giới. Công ty giao cho nhân viên chính thức của công ty Quyền giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe, giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện (ấn chỉ) đã được đóng sẵn dấu tròn đỏ của Tổng công ty cổ phần B Chi nhánh T3 (sau gọi tắt là Tổng công ty B), chữ ký của giám đốc chi nhánh, nhân viên trực tiếp tư vấn bán bảo hiểm cho khách hàng. Nguyễn Anh D được Công ty tuyển dụng là nhân viên phòng kinh doanh 02 của Tổng công ty B từ 14/8/2020 đến 22/8/2024 nghỉ việc theo Quyết định đình chỉ công việc. Do nợ nần, muốn có tiền tiêu sài cá nhân, D biết quy trình xử lý mua bán bảo hiểm nên

D đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác thông qua việc bán bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe ô tô, bảo hiểm tự nguyện xe ô tô. Ngày 24/4/2025 D đến cây xăng H2, phường T, tỉnh Hưng Yên gặp nhân viên bán xăng là chị Hoàng Thị G và là cộng tác viên bán bảo hiểm, với lý do thu về để đổi ấn chỉ khác, D lấy từ chị G 01 quyền ấn chỉ bảo hiểm từ số 24119716 đến 24119720 của Tổng công ty B. Chị G không biết D đã nghĩ việc nên giao đã cho D quyền ấn chỉ trên, không lập biên bản giao nhận.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 26/4/2025 bà Đỗ Thị Tuyết M điều khiển xe ô tô biển số 30G-584.78 do bất cẩn đã tự đâm vào tường khiến toàn bộ đầu xe bị hư hỏng nặng. Để được phía Công ty bảo hiểm chi trả chi phí sửa chữa cho phương tiện của mình, bà M liên hệ với chị Nguyễn Thị Thu H (là nhân viên bán bảo hiểm) nhờ mua bảo hiểm tự nguyện cho phương tiện. Chị H biết D là nhân viên bán bảo hiểm từ trước nên đã giới thiệu bà M cho D tư vấn bán bảo hiểm. D nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà M nên dùng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S8+, vỏ màu đen, lắp sim số 0943686673 của D gọi cho bà Mai S đó xuống hiện trường vụ tai nạn thấy phương tiện của Bà M hư hỏng nặng. Để thỏa thuận được mức giá tốt D từ chối bán bảo hiểm tổn thất vật chất phương tiện cho bà M và đi về. Sau đó, D gọi lại cho bà M nói đã báo cáo lãnh đạo, xe của bà M được mua bảo hiểm tự nguyện với mức giá là 30.000.000 đồng. Bà M đồng ý và hẹn D đến nhà riêng để làm việc. Khoảng 12 giờ 30 ngày 27/4/2025, D mang theo giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô, giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số: 24119717 của Tổng công ty B đã ký, đóng dấu tròn đỏ sẵn (mà D đã lấy của chị G từ trước) đến nhà bà M tại số nhà F, đường D, tổ dân phố P, phường V, tỉnh Hưng Yên, bà M cho D biết xe ô tô của mình đang để tại gara của Công ty trách nhiệm hữu hạn T4, phường T, tỉnh Hưng Yên, hai bên thống nhất bà M chuyển tài khoản cho D 30.000.000 đồng. Để bà M tin tưởng, D viết giấy cam kết trong vòng một tháng sẽ giải quyết thủ tục thanh toán tổn thất vật chất phương tiện xe ô tô 30G-584.78, đồng thời điền thông tin chủ xe ô tô vào giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số: 24119717 ngày 27/4/2025, của Tổng công ty B giao cho bà M. Sau khi bà M chuyển 30.000.000 từ tài khoản bà M đến số tài khoản 3401666992666, ngân hàng A của D, để tránh bà M phát hiện, D mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc cho xe của bà M hết 530.700 đồng, còn số tiền còn lại đã tiêu sài cá nhân hết. Hết thời hạn 01 tháng như D cam kết nhưng không thấy Công ty bảo hiểm chi trả tổn thất cho phương tiện của mình, bà M gọi điện thoại cho D hỏi thì D lấy lý do bận. Sau đó, D đã đến gara của Công ty TNHH T4 để đánh giá tổn thất phương tiện xe ô tô 30G-584.78, xin bảng báo giá chi phí sửa chữa. Khi có bảng báo giá chi phí sửa chữa này D sử dụng máy tính bảng cá nhân lưu sẵn 03 file PDF thông báo bồi thường, tờ trình bồi thường, phương án sửa

chữ sau đó dùng ứng dụng chuyển đổi file PDF sang file Word chỉnh sửa thông tin, sau đó ra 01 cửa hàng in (không nhớ cụ thể địa chỉ) in ra rồi chuyển cho bà M. Không thấy Công ty thanh toán tổn thất vật chất phương tiện của mình, bà M đã gọi điện thoại cho D nhiều lần để hỏi nhưng D đưa ra nhiều lý do khác nhau để giải thích cho việc chậm thanh toán. Bà M mang giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô, giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số: 24119717 đến Tổng công ty B- Chi nhánh T3 để kiểm tra. Kết quả tra cứu trên hệ thống dữ liệu bảo hiểm của Tổng công ty B đối với phương tiện 30G- 584.78 chỉ có thông tin, không có thông tin bảo hiểm tự nguyện (bảo hiểm vật chất). Ngày 29/9/2025 bà Đỗ Thị Tuyết M đã làm đơn trình báo yêu cầu xử lý Nguyễn Anh D về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H.

Ngoài hành vi trên, Nguyễn Anh D thực hiện 02 lần khác, gồm:

- Ngày 19/11/2024, anh Phạm Văn T muốn mua bảo hiểm tự nguyện cho xe ô tô biển số 15B-013.70 nhãn hiệu Ford Transit tên chủ xe Đào Mạnh K địa chỉ K, Hải Phòng. Qua bạn bè, anh T liên hệ D để mua bảo hiểm. D đã nảy sinh ý định lừa chiếm đoạt tiền mua bảo hiểm của anh T và cùng ngày hẹn gặp anh T tư vấn quyền lợi khi mua bảo hiểm tự nguyện và giá mua bảo hiểm tự nguyện xe ô tô của anh T là 7.500.000 đồng. Anh T2 đồng ý và chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản 3401666992666, ngân hàng A của D 7.500.000 đồng. Sau đó, D sử dụng máy tính bảng cá nhân lưu sẵn Giấy chứng nhận bảo hiểm kết hợp xe ô tô số: EGCNXXE240270000722 ngày 19/11/2024 của B (là file PDF) và chuyển đổi file PDF sang file Word chỉnh sửa thông tin sau đó ra 01 cửa hàng in (không nhớ cụ thể địa chỉ) in ra rồi giao cho anh T2. Đến ngày 12/9/2025, anh T2 muốn đi trùng tu, bảo dưỡng chiếc xe đã liên hệ D để làm thủ tục bảo hiểm. Để anh T2 không nghi ngờ, D hướng dẫn anh T2 và cùng đưa xe ô tô đến gara ô tô Tín Vương tại Cầu B, phường T để bảo dưỡng. Anh T2 bàn giao xe ô tô cho chủ gara Tín Vương để sửa chữa và hẹn 10 ngày sau lấy xe sau. Đúng hẹn anh T2 đến lấy, xe ô tô của anh đã sửa chữa xong nhưng do bên bảo hiểm chưa thanh toán chi phí sửa chữa nên gara chưa trả xe. Anh liên hệ với D thì D bảo do chờ kế toán đẩy tiền về xưởng, nên anh T2 cứ đi về và chờ. Những ngày sau, anh T2 gọi điện cho D nhiều lần để thúc giục, nhưng D luôn viện lý do để khát lần. Nghi ngờ D lừa đảo, bán bảo hiểm không minh bạch, anh T2 mang Giấy chứng nhận bảo hiểm kết hợp xe ô tô đến Công ty B kiểm tra thì được biết Công ty B không có dữ liệu phương tiện của mình. Anh T2 gọi điện cho D nói về nội dung Công ty B trao đổi với mình thì D bảo sẽ xoay tiền trả cho gara T5 chi phí sửa chữa xe ô tô của anh T2 nhưng D vẫn không thực hiện.

- Ngày 25/02/2025 chị Nguyễn Thị N1 muốn mua bảo hiểm thân vỏ (bảo hiểm tự nguyện) cho chiếc xe ô tô biển số 17A-241.30 nhãn hiệu Hyundai Santafe của mình, thông qua người quen chị N1 liên hệ với Nguyễn Anh D. D đã nảy sinh chiếm đoạt tiền của chị N1 nên tư vấn quyền lợi và giá mua bảo hiểm cho chị N1 là 13.000.000 đồng (bao gồm phí mua theo quy định và phụ phí khác). Chị N1 đồng ý mua và chuyển trực tiếp vào tài khoản 3401666992666, ngân hàng A của D. Để tạo niềm tin, D đã đưa cho chị N1 01 giấy chứng nhận bảo hiểm kết hợp ô tô số EGCNXXE 25027 000011125 ngày 25/02/2025 của Công ty B (do D sử dụng máy tính bảng cá nhân chỉnh sửa thông tin sau đó ra 01 cửa hàng in, in ra) và D trả lại chị N1 2.000.000 đồng, nói là phần trăm của mình cho lại chị. Số tiền còn lại D tiêu sài cá nhân hết. Ngày 09/5/2025 chị N1 điều khiển xe đã tự gây tai nạn làm hư hỏng phần thân vỏ chiếc xe của mình. Chị N1 liên hệ với D để làm thủ tục thanh toán bảo hiểm. D hướng dẫn chị N1 đưa xe đến hãng H3 để sửa chữa còn phần thanh toán bảo hiểm D thực hiện. Do không thấy Công ty bảo hiểm duyệt chi, chị N1 gọi điện cho D nhiều lần thúc giục thì D gửi cho chị bản chụp thông tin xử lý và thông báo bồi thường để chị N1 tin tưởng là phương tiện đang được phía Công ty duyệt chi. Sau đó, chị N1 tra cứu trên hệ thống bảo hiểm không có dữ liệu phương tiện của mình thì hỏi D, lúc này, D mới nói là D không nộp tiền mua bảo hiểm của chị N1 vào Công ty B nên không thể thanh toán bảo hiểm được. Sau đó, chị N1 đòi tiền D nhiều lần nhưng D vẫn không thanh toán.

- Kết luận giám định số 1586/KL-KTHS ngày 08/11/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh H, kết luận: 1. Hình dấu tròn có nội dung: “ S.G.P: 57 - C.T.C.P * T.P THÁI BÌNH - T. THÁI BÌNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN B - CHI NHÁNH T3” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M2 do cùng một con dấu đóng ra. 2. Hình dấu chức danh, họ tên có nội dung: “GIÁM ĐỐC Nguyễn Tiến M1” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với hình dấu chức danh, họ tên có cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một con dấu đóng ra. 3. Hình dấu chữ ký mang tên Nguyễn Tiến M1 trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với hình dấu chữ ký mang tên Nguyễn Tiến M1 trên mẫu so sánh ký hiệu M2 do cùng một con dấu đóng ra.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận như trên.

Tại bản cáo trạng số 149/CT-VKS-KV5 ngày 06/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên truy tố Nguyễn Anh D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Ngày 24/3/2026, Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên ra quyết định số 05/2026/HSST-QĐ trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì có căn cứ cho rằng ngoài hành

vi mà Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo còn thực hiện hành vi khác mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm.

Ngày 26/03/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên có công văn số 01 về việc chuyển hồ sơ để xét xử có nội dung giữ nguyên cáo trạng số 149/CT-VKS-KV5 ngày 16/02/2026.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/11/2025. Đề nghị xử phạt bổ sung đối với bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng: đề nghị Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Surface Pro3. Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra giải quyết. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai, trái pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét để được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và còn được chứng minh bằng: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H lập hồi 10 giờ 30 phút ngày 29/9/2025; hồi 14 giờ 30 ngày 03/10/2025; hồi 9 giờ ngày 06/10/2025 tại Công an phường V, tỉnh Hưng Yên (bút lục số 01, 11, 15); Tờ trình bồi thường bảo hiểm xe cơ giới; thông báo kết quả giải quyết bồi thường thiệt hại trong vụ tai nạn xe biển số 30G58478, Bản cam kết; bản ảnh phô tô chụp từ điện

thoại về nội dung tin nhắn giữa Đỗ Thị Tuyết M và Nguyễn Anh D là tài liệu Nguyễn Anh D giao cho bà Đỗ Thị Tuyết M; Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử của anh Phạm Văn T do quan Cảnh sát điều tra tỉnh lập ngày 03/10/2025, tại Công an phường V, tỉnh Hưng Yên; Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử của chị Nguyễn Thị N1 do Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh lập ngày 06/10/2025, tại Công an phường V, tỉnh Hưng Yên; Biên bản khám xét do Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh lập ngày 14/11/2025, tại Số nhà A, đường D, tổ B, phường T, tỉnh Hưng Yên; Kết luận giám định số 1586/KL-KTHS ngày 08/11/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh H; Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử của bà Đỗ Thị Tuyết M; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh lập ngày 02/10/2025, tại Công an phường V, tỉnh Hưng Yên; Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử của anh Nguyễn Tiến M1; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; phiếu xác minh phí; biên bản làm việc xác minh thông tin phí giấy chứng nhận Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô, giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số 24119717 ngày 27/4/2025; Thông báo triển khai phần mềm cấp đơn điện tử E và hướng dẫn sử dụng cho CBNV nội bộ trên toàn hệ thống Bảo hiểm B do Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh lập ngày 20, 24/10/2025, tại Tổng công ty cổ phần B Chi nhánh T3; Công văn trả lời ngày 15/10/2025 của Tổng công ty cổ phần B - Chi nhánh T3 về việc trả lời Công văn số 1723 ngày 10/10/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Hưng Yên; Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử của Nguyễn Anh D; Biên bản kiểm tra điện thoại; bản ảnh phô tô tin nhắn từ điện thoại; Biên bản kiểm tra máy tính bảng; biên bản làm việc về việc quản lý đồ vật, tài liệu; Biên bản làm việc về việc thực nghiệm quá trình chỉnh sửa file tờ trình bồi thường bảo hiểm xe cơ giới và file thông báo kết quả giải quyết bồi thường thiệt hại trên máy tính bảng; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh lập ngày 05/10/2025, tại Công an phường V, tỉnh Hưng Yên; Hợp đồng lao động và quyết định đình chỉ công việc của Nguyễn Anh D và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Ngày 27/4/2025, Nguyễn Anh D không là nhân viên của Tổng công ty B - Chi nhánh T3, không có chức năng tư vấn, bán bảo hiểm, không có chức năng thẩm định, đánh giá tổn thất vật chất phương tiện, thông qua hình thức bán bảo hiểm, nhưng do nợ nần, tại nhà của bà Đỗ Thị Tuyết M ở tổ dân phố P, phường V, tỉnh Hưng Yên, D đã nói dối và sau đó thủ đoạn gian dối để bán bảo hiểm tự nguyện phương tiện chiếm đoạt 29.469.300 đồng của bà Đỗ Thị Tuyết M.

Ngoài ra D còn dùng thủ đoạn lừa bán bảo hiểm trên để thực hiện 02 hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản khác, cụ thể: Ngày 19/11/2024, chiếm đoạt của anh

Phạm Văn T số tiền 7.500.000 đồng và ngày 25/02/2025 chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị N1 số tiền 11.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt 03 lần là 47.969.300 đồng (*Bốn mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm đồng*).

[3] Như vậy hành vi của bị cáo đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Điều 174 Bộ luật hình sự. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định: “1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:... 5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. ” Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội và gây hoang mang cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị cáo đã biết rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo thì thấy: Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho các bị hại; bị hại có đơn xin giảm hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo phạm tội vì mục đích vụ lợi nên cần áp dụng khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 giấy chứng nhận Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô, giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số: 24119717 ngày

27/4/2025; 01 mẫu giấy chứng nhận Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô, giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số: 24132372 ngày 16/6/2025; 01 (một) bản mẫu bao gồm: 03 (ba) chữ ký của ông Nguyễn Tiến M1, 03 (ba) dấu chức danh, họ và tên lưu theo hồ sơ vụ án.

- Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S8+, vỏ màu đen, Số seri/ IMEI : Khe 1: 354359085340265, Khe 2: 354360085340263; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Surface P, ID số: 00330- 50000- 00000- AAOEM, màu bạc, kích thước (29x20 cm) đều đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện dùng cho trong việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bà Đỗ Thị Tuyết M số tiền 17.000.000 đồng, do hoàn cảnh D khó khăn nên bà M không yêu cầu D phải bồi thường số tiền còn lại; chị Nguyễn Thị N1 đã nhận đủ 11.000.000 đồng, anh Phạm Văn T đã nhận đủ 7.500.000 đồng, không ai có yêu cầu bị cáo D phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên cần ghi nhận sự thỏa thuận trên.

[8] Đối với hành vi ngày 27/4/2025 của Nguyễn Anh D điền thông tin chủ xe ô tô vào giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số: 24119717 ngày 27/4/2025, của Tổng công ty B để chiếm đoạt số tiền 29.469.300 đồng của bà Đỗ Thị Tuyết M có dấu hiệu phạm thêm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự. Toà án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung, ngày 26/3/2026 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 Hưng Yên có công văn số 01/VKS-KV5 giữ nguyên cáo trạng số 149/CT-VKS-KV5 ngày 06/02/2026. Do đó Toà kiến nghị Cơ quan điều tra, điều tra xử lý đối với hành vi này.

[9] Đối với 01 giấy chứng nhận Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô, giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số: 24119717 ngày 27/4/2025; 01 mẫu giấy chứng nhận Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô, giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số: 24132372 ngày 16/6/2025 do bị cáo tự in ra nhưng các mẫu giấy chứng nhận này Tổng công ty cổ phần B đã ngừng sử dụng từ ngày 01/9/2024.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106,

Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/11/2025.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Anh D 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và các bị hại, bị cáo bồi thường cho bà Đỗ Thị Tuyết M số tiền 17.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị N1 số tiền 11.000.000 đồng, anh Phạm Văn T số tiền 7.500.000 đồng (Đã bồi thường xong).

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S8+, vỏ màu đen; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Surface Pro3, ID số: 00330- 50000- 00000- AAOEM, màu bạc, kích thước (29x20 cm) đã quản lý của Nguyễn Anh D.

(Vật chứng có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh H và Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 5, tỉnh Hưng Yên ngày 09/02/2026).

5. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 13-4-2026. Bà Đỗ Thị Tuyết M, anh Phạm Văn T, chị Nguyễn Thị N1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Hưng Yên;
- CQCSĐT Công an tỉnh Hưng Yên;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Hưng Yên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương

